

nh**quang**&associates

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 03/2025

Trong số này

Thông báo về đăng ký định danh điện tử cho doanh nghiệp

04

Doanh nghiệp cần lưu ý gì khi sử dụng chữ ký số công cộng?

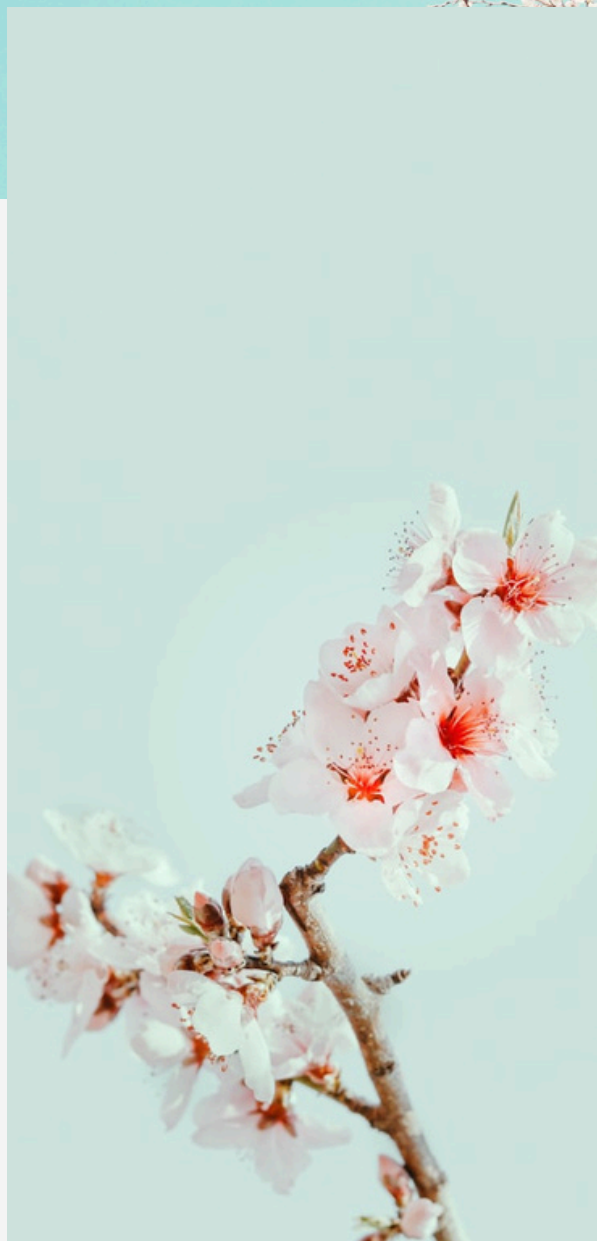
05

Các trường hợp tạm hoãn xuất cảnh do nợ thuế đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

07

Một số vấn đề doanh nghiệp cần lưu ý từ dự thảo Nghị định hướng dẫn về bảo hiểm xã hội bắt buộc

09



NHÓM BIÊN TẬP

LÊ MAI PHƯƠNG

ĐẶNG HUYỀN THU

NHÓM TÁC GIẢ

TRẦN THỊ THÚY MAI

LÊ HẢI LINH

NGUYỄN QUỐC DŨNG

NGUYỄN THỊ THANH MAI

THIẾT KẾ

NGUYỄN HOÀNG AN



HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NHQUANG 03/2025

Tọa đàm trực tuyến với chủ đề "**Xây dựng Điều lệ hiệu quả - nâng cao quản trị doanh nghiệp**" do Văn phòng Luật sư NHQuang&Cộng sự tổ chức đã diễn ra thành công vào chiều ngày 20/3/2025 với sự tham dự của đại diện nhiều doanh nghiệp, luật sư cũng như các sinh viên luật quan tâm.

Tại Tọa đàm, Luật sư **Trần Thị Thanh Huyền** - Luật sư Thành viên của Văn phòng Luật sư NHQuang&Cộng sự đã có những chia sẻ thiết thực liên quan đến nguyên nhân cốt lõi mà doanh nghiệp cần phải có một điều lệ cũng như vai trò của điều lệ đối với mô hình và công tác quản trị doanh nghiệp. Cổ đông, người góp vốn, người quản lý doanh nghiệp cần quan tâm tới điều lệ như thế nào để bảo đảm các quyền lợi của mình cũng như thực thi tốt các trách nhiệm được đặt ra cũng là một vấn đề được nêu tại buổi Tọa đàm. Ngoài ra, Luật sư Huyền đã khái quát về thực trạng xây dựng và sử dụng điều lệ tại các doanh nghiệp từ hơn 20 năm kinh nghiệm hành nghề của bản thân. Từ đó, Luật sư đã đưa ra những lưu ý thực tế từ góc độ pháp lý khi soạn thảo điều lệ và tư vấn cho khách hàng trong hoạt động quản trị doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp. Tọa đàm trở nên sôi nổi tại phần Hỏi đáp với rất nhiều câu hỏi của các khách mời đặt ra khi đăng ký, cũng như trực tiếp ngay tại Tọa đàm.

Trong năm 2025, Văn phòng Luật sư NHQuang&Cộng sự sẽ tiếp tục tổ chức nhiều hội thảo/tọa đàm pháp luật với chủ đề thiết thực, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn nhằm góp phần thúc đẩy môi trường kinh doanh và tinh thần tuân thủ pháp luật tại Việt Nam.



THÔNG BÁO VỀ ĐĂNG KÝ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ CHO DOANH NGHIỆP

TRẦN THỊ THÚY MAI

Hiện nay, hầu hết các thủ tục hành chính đều được thực hiện trực tuyến, trong đó có các thủ tục về đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Liên quan đến vấn đề này, ngày 13/02/2025, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính thành phố Hà Nội) đã ban hành Thông báo số 207/TB-ĐKKD hướng dẫn về việc thực hiện bổ sung, cập nhật thông tin Căn cước/Căn cước công dân của Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc, chủ doanh nghiệp tư nhân, làm sạch dữ liệu để cấp định danh điện tử cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội. Theo đó, Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp thành phố Hà Nội đề nghị:

Thứ nhất, về đối tượng phải cập nhật thông tin và thời hạn thực hiện

Mục 1 Thông báo số 207/TB-ĐKKD quy định các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phải thực hiện thủ tục đăng ký bổ sung, cập nhật thông tin đối với dữ liệu cá nhân (Căn cước/Căn cước công dân) của *người đại diện theo pháp luật, thành viên góp vốn, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu* trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thời hạn hoàn thành trước 30/6/2025.

Thứ hai, về việc yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử cho doanh nghiệp

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 02 đăng nhập Ứng dụng định danh Quốc gia (VNnID) cung cấp các thông tin theo hướng dẫn và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử cho doanh nghiệp trước ngày 30/6/2025.

Trên thực tế, trước khi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử, doanh nghiệp cần hoàn thành việc cập nhật thông tin đối với dữ liệu cá nhân (Căn cước/Căn cước công dân) của *người đại diện theo pháp luật, thành viên góp vốn, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu* trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

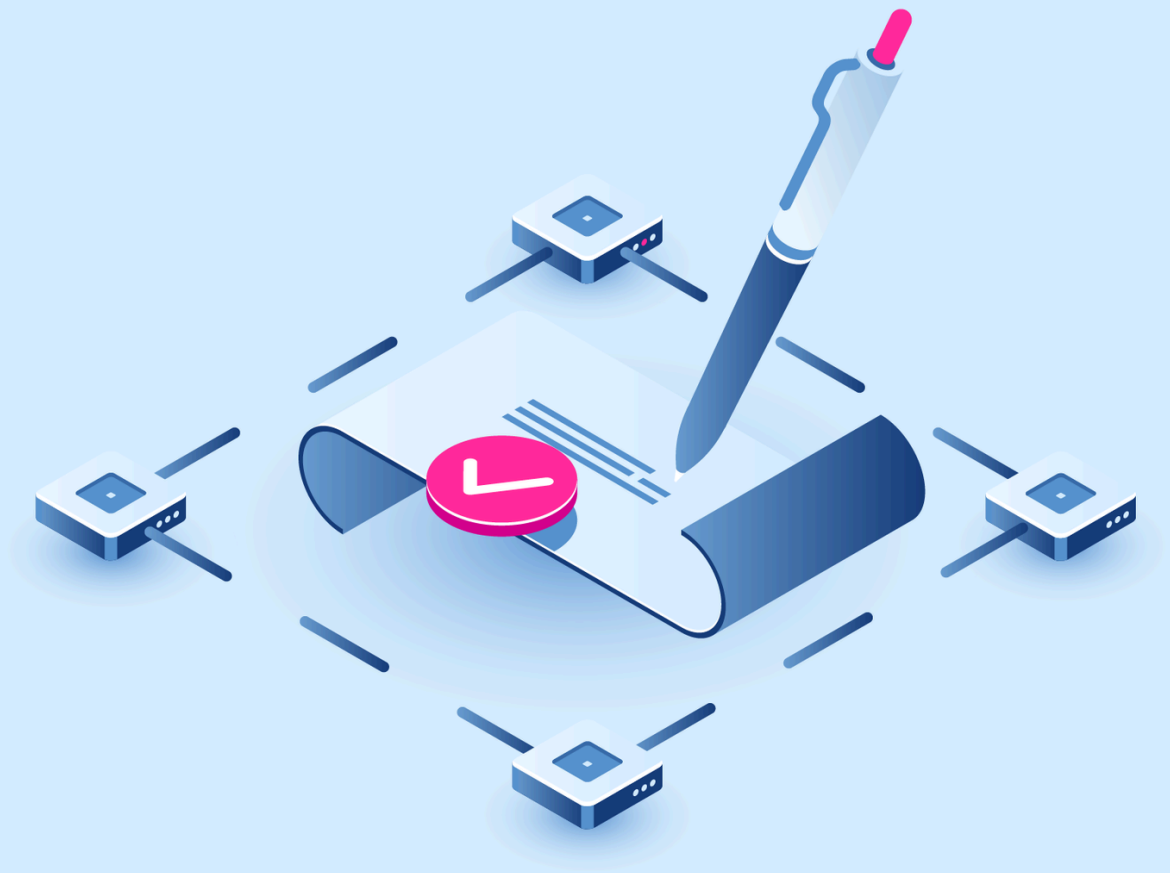
Ngoài ra, cần lưu ý rằng, theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, *“tài khoản được tạo lập bởi Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh cấp cho cơ quan, tổ chức được sử dụng đến hết ngày 30/6/2025”*. Như vậy, từ ngày 01/7/2025, tổ chức phải có tài khoản định danh điện tử mới có thể thực hiện được thủ tục về đăng ký doanh nghiệp cũng như các thủ tục hành chính khác với các cơ quan quản lý nhà nước trên môi trường điện tử. Trường hợp doanh nghiệp không đăng ký và không được cấp tài khoản định danh điện tử theo thời hạn nêu trên, việc thực hiện các thủ tục hành chính của doanh nghiệp có thể sẽ gặp khó khăn, kéo dài và bị từ chối giải quyết.

Ngoài thành phố Hà Nội, các tỉnh, thành phố khác cũng đã có những hướng dẫn triển khai đối với việc cấp tài khoản định danh điện tử cho doanh nghiệp và việc thực hiện có thể có những khác biệt nhất định giữa các tỉnh, thành. Trong trường hợp Quý khách hàng và độc giả mong muốn tìm hiểu rõ hơn về việc cập nhật thông tin và cấp tài khoản định danh điện tử cho doanh nghiệp và việc đăng ký doanh nghiệp nói chung trên toàn quốc, Văn phòng luật sư NHQuang&Cộng sự sẵn sàng giải đáp, hỗ trợ thực hiện các thủ tục liên quan.



DOANH NGHIỆP CẦN LƯU Ý GÌ KHI SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG?

LÊ HẢI LINH



Luật Giao dịch điện tử 2023 được ban hành đã tạo nên khung pháp lý mới đối với chữ ký điện tử; trong đó bao gồm chữ ký số công cộng - loại chữ ký đang được các doanh nghiệp sử dụng rộng rãi trong các thủ tục về thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội cũng như khi ký kết hợp đồng điện tử hiện nay. Theo đó, chữ ký số công cộng là chữ ký số được sử dụng trong hoạt động công cộng và được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số công cộng. Văn bản hướng dẫn chi tiết về chữ ký số công cộng là Nghị định 23/2025/NĐ-CP quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy (**Nghị định 23**) có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2025 và thay thế cho Nghị định 130/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 48/2024/NĐ-CP (**Nghị định 130**). Trong Bản tin pháp luật số này, NHQuang&Cộng sự sẽ phân tích một số nội dung liên quan đến chữ ký số công cộng trong Nghị định 23 mà Quý Khách hàng quan tâm.

Thứ nhất, Nghị định 23 quy định về chứng thư chữ ký số công cộng. Chứng thư chữ ký số công cộng được cung cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng *nhằm xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký số công cộng*. Nội dung của chứng thư chữ ký số công cộng bao gồm các thông tin như tên của tổ chức phát hành chứng thư chữ ký số, thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số, mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số,... Thời hạn của một chứng thư chữ ký số công cộng tối đa là 03 năm và có thể được gia hạn theo thủ tục tại Điều 39 của Nghị định 23 trước ngày hết hạn của chứng thư. Theo Nghị định 130, thời hạn của chứng thư chữ ký số công cộng tối đa 05 năm với trường hợp cấp mới và tối đa 03 năm với trường hợp gia hạn và các tổ chức, cá nhân cần thực hiện gia hạn trước ít nhất là 30 ngày trước khi hết hạn.

Để được cấp chứng thư chữ ký số công cộng, cá nhân, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 34, Nghị định 23. Đối với tổ chức, hồ sơ bao gồm giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư, giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật của tổ chức như thẻ căn cước công dân,... Khi nhận được hồ sơ đề nghị, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị phát hành, tiến hành giao kết hợp đồng và phát hành chứng thư chữ ký số công cộng cho thuê bao. So với các quy định tại Nghị định 130, quy trình cấp chứng thư chữ ký số công cộng quy định tại Nghị định 23 chi tiết và cụ thể hơn, tạo sự minh bạch trong quy trình, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc đăng ký và sử dụng chữ ký số công cộng.

Thứ hai, Nghị định 23 quy định về nghĩa vụ của người ký trước khi thực hiện ký số, cụ thể:

- Kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số, bao gồm kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số của mình trên hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức tạo lập cấp, phát hành chứng thư chữ ký số đó và kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số của tổ chức tạo lập, phát hành chứng thư chữ ký số cho mình trên *hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia* thay vì “*hệ thống kỹ thuật của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia*” theo quy định của Nghị định 130.
- Sử dụng phần mềm ký số tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký số trên thông điệp dữ liệu, có các chức năng như xác thực chủ thể ký và ký số, chức năng lưu trữ và hủy bỏ các thông tin kèm theo thông điệp dữ liệu ký số. Đây là nội dung mới của Nghị định 23 so với Nghị định 130.

Thứ ba, Nghị định 23 quy định về nghĩa vụ của người nhận khi nhận thông điệp dữ liệu được ký số. Theo đó, người nhận cần kiểm tra các thông tin như trạng thái chứng thư chữ ký số, phạm vi sử dụng, giới hạn trách nhiệm và các thông tin trên chứng thư chữ ký số của người ký. Việc kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số cần thực hiện theo quy trình tại khoản 2, Điều 16, Nghị định 23; ví dụ đối với chứng thư chữ ký số công cộng do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp, cần kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số công cộng của tổ chức đã phát hành chứng thư chữ ký số công cộng đó tại thời điểm thực hiện ký số trên hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia. Ngoài ra, người nhận phải sử dụng phần mềm kiểm tra chữ ký số đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan.

Nghị định 23 được ban hành đã quy định chi tiết hơn về chữ ký điện tử nói chung và chữ ký số công cộng nói riêng, quy định thống nhất với Luật Giao dịch điện tử 2023, đồng thời đáp ứng với yêu cầu phát triển của xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức trong việc sử dụng, nhưng đồng thời cũng đảm bảo hiệu lực pháp lý của chữ ký điện tử. Doanh nghiệp cần cập nhật, nghiên cứu các quy định của Nghị định 23 và các văn bản hướng dẫn khác có thể được ban hành trong thời gian sắp tới để sử dụng chữ ký số công cộng phù hợp với quy định pháp luật, đảm bảo hiệu lực pháp lý của chữ ký số công cộng. Trong trường hợp Quý Khách hàng và độc giả muốn tìm hiểu rõ hơn về các quy định cũng như việc sử dụng chữ ký điện tử và chữ ký số trên thực tế, Văn phòng luật sư NHQuang&Cộng sự sẵn sàng giải đáp, hỗ trợ và cung cấp tư vấn pháp lý liên quan.



CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM HOÃN XUẤT CẢNH DO NỢ THUẾ ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

NGUYỄN QUỐC DŨNG

Luật Quản lý thuế 2019 sửa đổi bổ sung năm 2024 đã bổ sung nội dung về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với một số nhóm đối tượng (trong đó bao gồm cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (**Người đại diện theo pháp luật**)) chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với số tiền thuế nợ và ngưỡng thời gian nợ do Chính phủ quy định. Trên cơ sở đó, ngày 28/02/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 49/2025/NĐ-CP quy định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh (**Nghị định 49**) với một số nội dung cần lưu ý như sau:

Thứ nhất, về đối tượng áp dụng của Nghị định 49. Bên cạnh các nhóm chủ thể được liệt kê tại khoản 1 Điều 66 Luật Quản lý thuế 2019 sửa đổi bổ sung năm 2024 (ví dụ: Người đại diện theo pháp luật thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế), Nghị định 49 đã quy định chi tiết nhóm chủ thể là “*cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là*

người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”. Quy định này là cần thiết vì đã góp phần giúp các cơ quan quản lý thuế trong công tác thu hồi nợ đọng thuế, đặc biệt đối với người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Thứ hai, về ngưỡng tiền thuế nợ và thời gian nợ trong các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh. Người đại diện theo pháp luật bị tạm hoãn xuất cảnh khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- *Trường hợp 1:* Doanh nghiệp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có số tiền thuế nợ từ 500 triệu đồng trở lên và số tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định trên 120 ngày. Cơ sở của ngưỡng tiền thuế nợ được xác định dựa trên thống kê về số tiền nợ thuế của doanh nghiệp và kết hợp tham khảo kinh nghiệm của Đài Loan.

Theo đó, Chính phủ đã áp dụng ngưỡng tiền nợ thuế đối với doanh nghiệp là 500 triệu đồng (gấp 10 lần ngưỡng áp dụng cho cá nhân). Ngoài ra, việc lựa chọn áp dụng ngưỡng thời gian nợ thuế trên 120 ngày trở lên đã được phân loại thành nhóm nợ theo dõi riêng).

- *Trường hợp 2:* Doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định và sau thời gian 30 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế thông báo về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

Thứ ba, về thông báo tạm hoãn xuất cảnh và hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh. Thực hiện nội dung thông báo về việc áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh tại khoản 1 Điều 66 Luật Quản lý thuế 2019 sửa đổi bổ sung năm 2024, Nghị định 49 quy định các phương thức thông báo về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh cho Người đại diện theo pháp luật bao gồm:

- Đối với Người đại diện theo pháp luật thuộc Trường hợp 1, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế sẽ thông báo bằng phương thức điện tử qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế hoặc thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế.
- Đối với Người đại diện theo pháp luật thuộc Trường hợp 2, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế.

Sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo, cơ quan quản lý thuế ban hành văn bản về việc tạm hoãn xuất cảnh gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để thực hiện tạm hoãn xuất cảnh đối với Người đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên, trong trường hợp Người đại diện theo pháp luật đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì cơ quan quản lý thuế sẽ ban hành ngay thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Người đại diện theo pháp luật sẽ được xuất cảnh sau khi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh.

Nghị định 49 được kỳ vọng sẽ nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về quản lý thuế của người nộp thuế, đồng thời tăng cường hiệu quả công tác thu hồi nợ đọng thuế, phù hợp với thực tiễn quản lý thuế. Do vậy, các doanh nghiệp cần tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế để không bị áp dụng các chế tài theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Bên cạnh đó, nhằm hạn chế tình trạng bị động do không nắm được thông tin về việc bị áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh, Người đại diện theo pháp luật của các doanh nghiệp nên thường xuyên kiểm tra, theo dõi thông tin bằng một số cách như sau:

- Cách 1: Truy cập vào website: gdt.gov.vn/wps/portal/Home/nt/xc và nhập các trường thông tin theo quy định để kiểm tra tình trạng tạm hoãn xuất cảnh của bản thân.
- Cách 2: Sử dụng ứng dụng eTax Mobile thông qua tài khoản định danh điện tử VNeID để kiểm tra các thông báo về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh do cơ quan quản lý thuế gửi.

Trong trường hợp Quý Khách hàng và độc giả mong muốn tìm hiểu và được tư vấn liên quan đến các quy định mới của Nghị định 49 cũng như các vấn đề liên quan đến thuế - tài chính, Văn phòng luật sư NHQuang&Cộng sự sẵn sàng giải đáp, hỗ trợ tư vấn Quý khách hàng và độc giả với những vấn đề pháp lý liên quan.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ DOANH NGHIỆP CẦN LƯU Ý TỪ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG DẪN VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

NGUYỄN THỊ THANH MAI



Luật Bảo hiểm xã hội 2024 (**Luật BHXH**) được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 7, khóa XV sẽ chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025 và thay thế Luật BHXH 2014. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật BHXH hiện đang căn cứ dựa trên những quy định của Luật BHXH 2014. Do vậy, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1370/QĐ-TTg ngày 12/11/2024 phê duyệt Kế hoạch triển khai thi hành Luật BHXH 2024 và Nghị quyết số 142/2024/QH15 của Quốc hội. Sau khi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (nay đã được sáp nhập vào Bộ Nội vụ) đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc (**Dự thảo Nghị định**). Dưới đây là một số phân tích cụ thể liên quan đến những nội dung nổi bật của Dự thảo Nghị định mà các doanh nghiệp cần lưu ý:

Thứ nhất, về đối tượng người lao động (NLĐ) tham gia BHXH bắt buộc, Dự thảo Nghị định quy định đối tượng tham gia BHXH bắt buộc gồm NLĐ theo quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h, i, k, l, m và n khoản 1, Điều 2 Luật BHXH (ví dụ: Người làm việc theo hợp đồng lao động, cán bộ, công chức, viên chức, NLĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người quản lý doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh,

v.v.) và khoản 2 Điều 2 của Luật BHXH (NLĐ là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên, không thuộc trường hợp di chuyển nội bộ, đủ tuổi nghỉ hưu). Trường hợp NLĐ quy định tại các điểm a, b, c, i, k, l khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Luật BHXH được cử đi học, thực tập, công tác trong và ngoài nước mà vẫn hưởng tiền lương ở trong nước thì cũng thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

Thứ hai, về tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc, Dự thảo Nghị định quy định là tiền lương tháng, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác, trong đó:

(i). Mức lương theo công việc hoặc chức danh tính theo thời gian (theo tháng) của công việc hoặc chức danh theo thang lương, bảng lương do người sử dụng lao động (**NSDLĐ**) xây dựng theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Lao động, được thỏa thuận trong hợp đồng lao động.

(ii). Các khoản phụ cấp lương để bù đắp yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động mà mức lương chưa được tính đến, hoặc tính chưa đầy đủ, được thỏa thuận trong hợp đồng lao động; không bao gồm khoản phụ cấp lương phụ thuộc hoặc biến động theo năng suất lao động, quá trình làm việc và chất lượng thực hiện công việc của NLĐ.

(iii). Các khoản bổ sung khác xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương, được thỏa thuận trong hợp đồng lao động và trả thường xuyên, ổn định trong mỗi kỳ trả lương; không bao gồm các khoản bổ sung khác phụ thuộc hoặc biến động theo năng suất lao động, quá trình làm việc và chất lượng thực hiện công việc của NLĐ.

Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc **không** bao gồm các chế độ và phúc lợi khác như thưởng theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật Lao động, tiền thưởng sáng kiến; tiền ăn giữa ca; các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ; hỗ trợ khi NLĐ có thân nhân bị chết, NLĐ có người thân kết hôn, sinh nhật của NLĐ, trợ cấp cho NLĐ gặp hoàn cảnh khó khăn khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các khoản hỗ trợ, trợ cấp khác ghi thành mục riêng trong hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

Thứ ba, về các trường hợp và số tiền truy thu, truy đóng BHXH bắt buộc, Dự thảo Nghị định quy định việc truy thu, truy đóng BHXH bắt buộc áp dụng đối với:

- (i).** NLĐ được tăng lương làm tăng mức đóng BHXH bắt buộc mà thời gian thực hiện hồi tố trở về trước;
- (ii).** NLĐ Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài được gia hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động mới ngay tại nước tiếp nhận lao động thực hiện truy đóng sau khi về nước;
- (iii).** Đối tượng thuộc điểm m và điểm n khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH đóng sau thời hạn đóng BHXH chậm nhất (ngày cuối cùng của tháng tiếp theo ngay sau chu kỳ đóng).

Số tiền truy thu, truy đóng BHXH đối với nhóm (i) và nhóm (ii) là số tiền phải đóng BHXH bắt buộc theo quy định tại Điều 33, Điều 34 của Luật BHXH (mức đóng của NLĐ/NSDLĐ). Trường hợp đến hết ngày cuối cùng của tháng tiếp theo sau tháng có quyết định điều chỉnh tăng tiền lương hoặc tháng về nước mà NSDLĐ và NLĐ chưa thực hiện truy đóng BHXH bắt buộc thì cơ quan BHXH có quyền áp dụng biện pháp xử lý hành vi chậm đóng hoặc biện pháp xử lý hành vi trốn đóng theo các Điều 40, Điều 41 của Luật BHXH. Đối với nhóm (iii), số tiền truy thu, truy đóng BHXH là 3% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc vào quỹ ốm đau và thai sản, 22% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc vào quỹ hưu trí và tử tuất, và số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền BHXH bắt buộc phải đóng và số ngày đóng sau thời hạn đóng BHXH chậm nhất (ngày cuối cùng của tháng tiếp theo ngay sau chu kỳ đóng).

Thứ tư, về trách nhiệm của NSDLĐ khi chậm đóng BHXH bắt buộc cho NLĐ đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, Dự thảo Nghị định quy định NSDLĐ có trách nhiệm đóng đủ số tiền phải đóng BHXH bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều 40 và khoản 1 Điều 41 của Luật BHXH đối với NLĐ đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ BHXH cho NLĐ. Trường hợp NSDLĐ chưa đóng đủ số tiền phải đóng BHXH bắt buộc thì giải quyết chế độ BHXH trên cơ sở thời gian đã đóng BHXH đối với NLĐ đủ điều kiện hưởng chế độ BHXH, xác nhận thời gian đóng BHXH đến thời điểm đã đóng BHXH đối với trường hợp NLĐ thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc; sau khi thu hồi số tiền phải đóng BHXH bắt buộc thì xác nhận bổ sung thời gian đóng BHXH và thực hiện điều chỉnh lại mức hưởng chế độ BHXH.

Nhìn chung, các quy định của Dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng bảo đảm an sinh xã hội, phát triển hệ thống BHXH theo hướng đa dạng, linh hoạt, bảo đảm quyền lợi cho NLĐ. Ngoài một số nội dung đã phân tích ở trên, Dự thảo Nghị định còn quy định nhiều vấn đề quan trọng khác như lộ trình tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với chủ hộ kinh doanh (khoản 2 Điều 3 Dự thảo Nghị định), điều chỉnh tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc (Điều 16 Dự thảo Nghị định), v.v. Trong trường hợp Quý Khách hàng và độc giả mong muốn tìm hiểu thêm và tư vấn liên quan đến các chính sách và quy định mới của Dự thảo Nghị định và các liên quan đến BHXH nói chung, Văn phòng luật sư NHQuang&Cộng sự sẵn sàng giải đáp, cung cấp các ý kiến pháp lý liên quan.

Tìm hiểu thêm về NHQuang tại:

